

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2019/DS-PT
Ngày: 09 – 10 – 2019
V/v “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Ông Lâm Văn Be

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 – 10 – 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2017/TLPT –DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2019/QĐPT-DS ngày 17 – 9 – 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bình L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 13, ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ 13, ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn Nh – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Nh, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 13, ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Ông Nguyễn Bình B, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Bà Ngô Thị R, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Bà Trần Bích Ng, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Bà Dương Kim S, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Ông Phạm Văn S1, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Kiều Thu, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tòa không triệu tập
Người kháng cáo bị đơn bà Đặng Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nguyên đơn đơn anh Nguyễn Bình L trình bày:

Anh và bà Đặng Thị C là hàng xóm với nhau. Nhà anh ở phía sau nhà bà C; lối đi từ Đường 13 – 13 vào nhà anh có chiều ngang 3m x dài khoảng 80 – 90m, phía bên trái lối đi giáp ranh với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 24 do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía bên phải lối đi giáp ranh với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 24 do ông S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài lối đi này thì gia đình anh và các hộ phía trong gồm ông Ch, anh B, bà R, chị Ng, chị S không còn lối đi nào khác để đi vào nhà. Anh được biết lối đi này do gia đình nhà bà C và ông S1 chừa ra từ năm 1965 cho các hộ dân sinh sống phía trong có đường đi nhưng cuối năm 2018 bà C cấm trụ xây hàng rào lấn sang lối đi này. Nay anh yêu cầu bà C tháo dỡ hàng rào kẽm B40 khôi phục lại lối đi có chiều ngang 3m x dài khoảng 80 – 90m như cũ trước đây. Sau khi đo đạc thực tế xác định bà C lấn chiếm chiều ngang mặt trước 1,18m; chiều ngang mặt hậu 1,07m chiều dài một cạnh 78,38 m; một cạnh chiều dài 78,59m yêu cầu bà C trả lại để làm lối đi chung như bản đồ địa chính năm 2000, 2010.

Bị đơn bà Đặng Thị C trình bày: Năm 2006 mẹ bà là cụ Phạm Thị Tr tặng cho bà phần đất diện tích 1.415 m² thửa đất số 84, tờ bản đồ 24, ngày 18/7/2006 bà được Ủy ban nhân dân Huyện Dương Minh Châu cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số H02992. Lối đi đang tranh chấp giữa bà và anh L có nguồn gốc do cụ Phạm Thị Tr – mẹ ruột của bà chừa ra cho các hộ dân ở phía trong có lối đi ra đường 13 - 13. Do các hộ dân phía trong trồng trụ điện trong phần đất của bà nên bà yêu cầu họ di dời ra phía ngoài để bà làm hàng rào nhưng anh L không đồng ý mà khởi kiện đến UBND xã Truong Mít. Tại phiên hòa giải bà đồng ý giữ nguyên hiện trạng lối đi cũ đã có 2 trụ ranh cố định xây bằng gạch đoạn đầu và đoạn cuối ranh đất kéo thành một đường thẳng nhưng anh L không đồng ý nên hai bên phát sinh mâu thuẫn cho nên bà mới di dời cấm trụ hàng xi măng và rào kẽm B40 như hiện nay và không cho anh L và các hộ bên trong đi trên phần diện tích lối đi này nữa. Nay bà xác định nếu diện tích thửa đất bà đang sử dụng mà dư so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà đồng ý di dời hàng rào để lại lối đi như trước đây; ngược lại nếu diện tích thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà yêu cầu trả lại diện tích đất còn thiếu cho bà nếu anh L yêu cầu mở lối đi bà đồng ý nhưng anh L phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất lối đi cho bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Nguyễn Thị Th là vợ anh L trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh L, chị yêu cầu bà C trả lại diện tích con đường đã lấn chiếm chiều ngang mặt trước 1,18m; chiều ngang mặt hậu 1,07m chiều dài một cạnh 78,38 m; một cạnh chiều dài 78,59m để làm lối đi chung như bản đồ địa chính năm 2000, 2010. Chị không yêu cầu tham gia tố tụng xin vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ kiện.

Ông Phạm Văn S1 trình bày: Trước đây gia đình ông và cụ Tr (mẹ bà C) tự nguyện chừa đất mở lối đi chung cho các hộ dân ở phía sau ra đường công cộng số 13 – 13 trong đó có hộ anh Nguyễn Bình L, sau đó do bà C, ông L có mâu thuẫn nên bà C đã rào phần đất của bà Tr đã chừa ra làm lối đi. Riêng phần đất của ông chừa ra vẫn còn nguyên hiện trạng ông không tranh chấp. Việc anh L, bà C tranh chấp do Tòa án xử lý ông không liên quan và cũng không yêu cầu tham gia tố tụng xin vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ kiện.

Các ông bà Nguyễn Văn Ch; bà Ngô Thị R, ông Ngô Bình B, bà Trần Bích Ng, bà Dương Kim S thống nhất trình bày: Nguồn gốc lối đi đã có từ năm 1965, các hộ dân vẫn sử dụng lối đi này từ đó đến nay. Lối đi có chiều ngang khoảng 4,8 m, chiều dài từ đường lộ đầu đi vô hết phần đất của bà C khoảng 80 – 90m, còn lối đi phía giáp ranh đất bà C phía sau đi vô trong vẫn bình thường không có tranh chấp vì là lối đi. Do bà C và anh L mâu thuẫn nên bà C có cấm trụ rào giữa lối đi chung, hiện vẫn còn lối đi ra đường đầu nhưng chỉ đủ xe mô tô đi được, còn xe vận chuyển hàng hóa là không đi được vì bà C đã rào lại chỉ chừa ra 1,5m chiều ngang. Việc anh L tranh chấp với bà C trả lại lối đi chung do Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, các ông bà xác định đây là lối đi chung nên không yêu cầu tranh chấp và cũng không yêu cầu tham gia tố tụng xin vắng tất cả các phiên hòa giải, xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu đã xử:

Căn cứ vào các Điều 166 Luật đất đai; Điều 254 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bình L đối với bà Đặng Thị C về việc yêu cầu mở lối đi.

- Buộc bà Đặng Thị C trả lại diện tích lối đi công cộng như sau:

+ Hướng Đông giáp đường 13 – 13 cột mốc số 6, 7 có chiều ngang 1,18m.

+ Hướng Tây tiếp giáp lối đi công cộng cột mốc số 1, 2 chiều ngang 1,07m.

+ Hướng Nam giáp đất bà Đặng Thị C cột mốc số 1, 8, 7 chiều dài 78,59m.

+ Hướng Bắc giáp đất Ông Phạm Văn S1, bà Nguyễn Thị Kiều Th cột mốc số 2, 6 (phần đất ông S1, bà Th chừa ra làm lối đi) chiều dài 78,38 m (kèm theo sơ đồ hiện trạng).

- Buộc bà Đặng Thị C di dời toàn bộ trụ rào xi măng, hàng rào kẽm B40 trả lại hiện trạng lối đi công cộng.

2. Lối đi công cộng được xác định tại các vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đường 13 – 13 cột mốc số 5, 10, 6, 7 có chiều ngang 3,33m (trong đó phần đất ông Sang, bà Th chừa ra từ cột mốc số 5, 10, 6 có chiều ngang 2,15m).

+ Hướng Tây tiếp giáp lối đi công cộng cột mốc số 1, 2, 9, 3 chiều ngang 3,24 m (trong đó phần đất ông Sang, bà Th chừa ra từ cột mốc số 3, 9, 2 có chiều ngang 2,17m).

+ Hướng Nam giáp đất bà Đặng Thị C thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 24 cột mốc số 1, 8, 7 chiều dài 78,59m.

+ Hướng Bắc giáp đất Ông Phạm Văn S1, bà Nguyễn Thị Kiều Th thuộc thửa 61 tờ bản đồ số 6 cột mốc số 3, 4, 5 chiều dài 78,38m.

Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 10/SĐHT của công ty TNHH MTV vật liệu Thuận Thiên Phát được Phòng tài nguyên và môi trường Huyện Dương Minh Châu thẩm định ngày 22/3/2019.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí đo đạc, định giá, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 24/7/2019 bị đơn bà Đặng Thị C kháng cáo, nội dung kháng cáo: Toàn bộ án sơ thẩm vì án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng khi họ không có yêu cầu, không nộp tiền án phí khởi kiện là vi phạm tố tụng. Bà C không yêu cầu đo đạc nhưng buộc bà phải chịu chi phí đo đạc là không đúng. Yêu cầu cấp phúc thẩm xử: Xem xét chứng cứ thật khách quan, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không buộc bà C chịu chi phí đo đạc. Yêu cầu Tòa án thu thập trích lục bản đồ, đất bà C thửa 84, tờ bản đồ số 24.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ kiện và cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn – Luật sư Nguyễn Văn Nh trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm, tòa án huyện đưa ra xét xử vi phạm tố tụng và nội dung vì: Bản vẽ của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Dương Minh Châu không rõ ràng, chỉ ghi mặt tiền con đường mà không nói đất của bà C bao nhiêu mét. Bà C chỉ yêu cầu đo đúng đất của bà C 17m ngang mà lại đo hết con đường. Không nói đất của bà C có bị mất hay không, anh L sinh năm 1973 nhưng cho rằng đường mở năm 1965. Thực tế thì sau năm 1975 dân ra lập ấp thì mới có đường, chứ không phải đường có từ năm 1965.

Về việc đưa người tham gia tố tụng: Án sơ thẩm đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để chứng minh con đường có nhiều người đi, nhưng những người này không có ý định tham gia tố tụng, không đóng tạm ứng án phí nhưng cấp sơ thẩm đưa họ tham gia tố tụng là không đúng. Nếu ở đây là đường công cộng thì tất cả nhưng người ở trong đều phải làm đơn.

Cấp sơ thẩm áp dụng điều 166 Bộ luật Dân sự, vụ án này là tranh chấp yêu cầu mở lối đi nhưng Điều 166 là tranh chấp đòi lại tài sản nên không đúng, con đường cũng không phải của anh L nên không thể áp dụng Điều 166 Luật dân sự. Điều 254 Bộ luật dân sự là tranh chấp lối đi khi bất động sản ở trong bị bao vây bởi bất động sản ở ngoài thì phải trả chi phí cho bất động sản ở ngoài. Do đó bản án sơ thẩm cùng một lúc áp dụng 2 điều 166 và 254 Bộ luật dân sự là hoàn toàn sai.

Bà C kháng cáo đề nghị đo lại đất bà C để thể hiện cho đúng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn phiên tòa để đo lại có đúng đất của bà C có đủ 17m ngang hay không.

Nguyên đơn trình bày:

Con đường là lối đi chung, không nằm trong đất của bà C, nên việc bà C rào đường lại là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà C trong hạn luật định, đúng mẫu, đảm bảo nội dung, bà C thuộc diện được miễn án phí nên kháng cáo của bà C là hợp lệ về hình thức.

Xét đơn kháng cáo của bà C yêu cầu được thu thập trích lục diện tích thửa 84, tờ bản đồ số 24 diện tích đất của bà C là không cần thiết vì đất bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm đã thu thập và thẩm định, đo đạc đầy đủ về số thửa, tờ bản đồ đất của bà. Hơn nữa việc cung cấp chứng cứ thuộc quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 5 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà C thì thấy rằng:

[2.1] Diện tích tranh chấp có mặt tiền 1,18m, mặt hậu 1,07m, 02 chiều dọc dài 78,59m và 78,38m mà bà C tự cấm trụ xi măng để rào kẽm B40 làm giảm diện tích lối đi đang sử dụng có mặt tiền 3,33m, mặt hậu 3,24m, bên trong có các hộ có nhà đất đang sử dụng lối đi gồm: Phan Văn Ch, Nguyễn Bình B, Nguyễn Thị R, Nguyễn Bích Ngọc, Dương Kim S, Nguyễn Bình L. Do anh L có đơn khởi kiện yêu cầu được trả lại diện tích lối đi cũ đang sử dụng vì cho rằng diện tích lối đi là lối đi chung đã có từ trước. Riêng bà C khai diện tích lối đi tranh chấp là của mẹ bà cụ Phan Thị Tr đã tự chừa ra cho các hộ có nhà đất bên trong dùng làm lối đi. Nhưng cụ Tr đã cho bà, bà được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc quyền sử dụng của bà, bà có quyền lấy rào lại, các hộ muốn sử dụng lối đi thì phải trả tiền giá trị đất. Nên dù chỉ có anh L khởi kiện cấp sơ thẩm đã đưa các hộ có nhà đất bên trong có sử dụng lối đi tham gia tố tụng, nếu có bồi thường giá trị đất thì phải liên đới bồi thường cho bà C dù họ không có yêu cầu, không nộp tiền tạm ứng án phí, việc đưa họ vào tham gia tố tụng là không vi phạm tố tụng và được quy định tại Khoản 6 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chỉ đưa họ tham gia tố tụng khi xét xử và thủ tục vắng mặt là chưa đảm bảo, cần rút kinh nghiệm.

[2.2] Về tính hợp pháp của chứng cứ: Chính bà C cũng thừa nhận diện tích tranh chấp có mặt tiền 1,18m, mặt hậu 1,07m là do mẹ bà cụ Tr tự chừa ra cùng diện tích gia đình cha mẹ của anh S1 (có đất liền kề lối đi) chừa ra làm lối đi chung cho các hộ có nhà đất bên trong có diện tích 3,33m, mặt hậu 3,24m.

Nhưng theo bà C cụ Tr đã cho bà đất, bà được nhà nước cấp giấy năm 2006 có diện tích lối đi chung nên thuộc quyền sử dụng của bà, bà được quyền lấy lại, các hộ muốn sử dụng lối đi thì phải bồi thường tiền giá trị đất cho bà. Các hộ đang sử dụng lối đi thì cho rằng lối đi là công cộng, không phải đất của bà C nên phải xem xét:

Tại lời trình bày của cán bộ địa chính xã ngày 18/01/2019 đất tranh chấp trước đây là của cụ Tr – mẹ bà C đã được cấp giấy diện tích 3.800m² thuộc thửa 179 tờ bản đồ số 06. Cụ Tr tự chừa đất ra cùng với đất gia đình cha mẹ của anh Sang bỏ ra để làm lối đi cho các hộ có nhà đất bên trong đi. Theo bản đồ không ảnh 299 thì không có lối đi nhưng sau khi được bà Tr và hộ cha mẹ của anh S1 cho đất đi. Sau khi cho lối đi đã hình thành và sử dụng trên thực tế thì theo hệ thống bản đồ đo đạc năm 2000 và năm 2010 đều thể hiện là có lối đi (dù không xác định được cụ thể là rộng bao nhiêu) và khi làm hồ sơ cấp giấy đất cho bà C năm 2006 thì đã trừ diện tích lối đi, diện tích lối đi không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà C (bút lục 61, 62).

Tại công văn số 37/CV-VPĐKĐ ngày 27/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dương Minh Châu xác nhận: Thửa số 84 tờ bản đồ số 24 thể hiện hướng Bắc và hướng Đông giáp đường xe, hồ sơ do Ủy ban xã lập ngày 22/6/2006 để cấp giấy đất cho bà Đặng Thị C thửa 84, tờ bản đồ số 24 thể hiện hướng Bắc và hướng Đông giáp đường xe. Nguồn gốc đất bà C khai do mẹ cho năm 1980, đất không tranh chấp (BL 08).

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà C ngày 18/7/2006 diện tích 1.415m² thửa 84, tờ bản đồ số 24 có kèm theo hình vẽ thửa 84, có mặt tiền, mặt hậu là 17m. Theo kết quả đo đạc ngày 5/3/2019 thì thực tế bà C đang sử dụng có mặt tiền, mặt hậu là đúng 17m, riêng diện tích có mặt tiền 1,18m, mặt hậu 1,07m, chiều dọc và dài 78,38m và 78,59m mà bà C tự cấm trụ xi măng để rào kẽm B40 cuối năm 2018 là nằm ngoài 17m mặt tiền, mặt hậu bà C đang sử dụng và nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà C. (BL 03)

Từ các căn cứ trên: Có cơ sở xác định diện tích lối đi có mặt tiền 3,33m, mặt hậu 3,24m, 02 chiều dọc rào giáp đất bà C dài 78,59m, giáp đất nhà anh S1 dài 78,38m có được là cụ Tr và gia đình cha mẹ anh S1 tự chừa cho các hộ có nhà đất bên trong làm lối đi chung. Khi cho đất này là bản đồ không ảnh 299, không thể hiện là có lối đi chung. Nhưng sau khi cho các hộ đã sử dụng và tồn tại trên thực tế thì theo hệ thống đo đạc bản đồ năm 2000 và năm 2010 đều thể hiện có lối đi chung này, đặc biệt là khi làm hồ sơ cấp giấy đất cho bà C năm 2006 đã đo đạc và trừ ra diện tích lối đi. Nên đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp mà bà C tự cấm trụ rào bị anh L và các hộ đang sử dụng lối đi phản đối là không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà C năm 2006. Quá trình sử dụng đất dài bà C cũng không có ý kiến khiếu nại gì, đã tự làm rào kiên cố chừa lối đi theo lối đi đã hình thành từ trước nhưng đến cuối

năm 2018 bà C cấm trụ xi măng, rào kẽm B40 làm giảm lối đi đang sử dụng. Hành vi tự cấm trụ xi măng, rào kẽm B40 làm giảm diện tích đang sử dụng không thuộc quyền sử dụng của mình là hành vi trái pháp luật. Lẽ ra UBND xã có biện pháp thông báo cho bà C tự tháo bỏ, bà C không tháo dỡ thì bị xử phạt hành chính và có biện pháp cưỡng chế tháo bỏ là vụ việc được kết thúc nhưng UBND xã không có biện pháp cụ thể để anh L phải khởi kiện và cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết được quy định tại khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và Điều 35 Bộ luật TTDS là đúng thẩm quyền. Cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 166 Luật đất đai; Điều 254 Bộ luật dân sự xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Bình L, buộc bị đơn bà C phải tháo dỡ hàng trụ rào xi măng kẽm B40 đã rào trả lại lối đi chung là có căn cứ. Bà C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C về phần này.

[3] Do phải có kết quả đo đạc đất của bà C, diện tích lối đi tranh chấp mới giải quyết được vụ kiện, việc đo đạc phải có chi phí, anh L có yêu cầu đo đạc và đã bỏ tiền tạm ứng chi phí đo đạc. Yêu cầu khởi kiện của anh L được chấp nhận nên chi phí đo đạc bà C phải chịu theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà C, không chấp nhận lời trình bày của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

[4] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị C không được chấp nhận nên bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng bà C đã già nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:

Căn cứ vào các Điều 166 Luật đất đai; Điều 254 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bình L đối với bà Đặng Thị C về việc yêu cầu mở lối đi.

- Buộc bà Đặng Thị C trả lại diện tích lối đi công cộng như sau:
+ Hướng Đông giáp đường 13 – 13 cột mốc số 6, 7 có chiều ngang 1,18m.
+ Hướng Tây tiếp giáp lối đi công cộng cột mốc số 1, 2 chiều ngang 1,07m.
+ Hướng Nam giáp đất bà Đặng Thị C cột mốc số 1, 8, 7 chiều dài 78,59m.
+ Hướng Bắc giáp đất Ông Phạm Văn S1, bà Nguyễn Thị Kiều Th cột mốc số 2, 6 (phần đất ông S1, bà Th chừa ra làm lối đi) chiều dài 78,38 m (kèm theo sơ đồ hiện trạng).

- Buộc bà Đặng Thị C di dời toàn bộ trụ rào xi măng, hàng rào kẽm B40 trả lại hiện trạng lối đi công cộng.

2. Lối đi công cộng được xác định tại các vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đường 13 – 13 cột mốc số 5, 10, 6, 7 có chiều ngang 3,33m (trong đó phần đất ông S1, bà Th chừa ra từ cột mốc số 5, 10, 6 có nhiều ngang 2,15m).

+ Hướng Tây tiếp giáp lối đi công cộng cột mốc số 1, 2, 9, 3 chiều ngang 3,24 m (trong đó phần đất ông S1, bà Th chừa ra từ cột mốc số 3, 9, 2 có nhiều ngang 2,17m).

+ Hướng Nam giáp đất bà Đặng Thị C thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 24 cột mốc số 1,8,7 chiều dài 78,59m.

+ Hướng Bắc giáp đất Ông Phạm Văn S1, bà Nguyễn Thị Kiều Th thuộc thửa 61 tờ bản đồ số 6 cột mốc số 3, 4, 5 chiều dài 78,38m.

Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 10/SĐHT của công ty TNHH MTV vật liệu Thuận Thiên Phát được Phòng tài nguyên và môi trường Huyện Dương Minh Châu thẩm định ngày 22/3/2019.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Đặng Thị C có trách nhiệm hoàn trả cho anh Nguyễn Bình L chi phí đo đạc thẩm định giá là 14.030.000 đồng (mười bốn triệu không trăm ba mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự .

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Bình L không phải chịu án phí, Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho anh L 300.0000 đồng theo biên lai thu số 0010993 ngày 07/9/2018.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện DMC;
- VKSND.TTN;
- Chi cục THADS huyện DMC;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Sơn

